

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/ HNGĐ - ST

Ngày: 22/8/2017

"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang Huyền

2. Ông Lê Quang Đông

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 205/2017/TLST - HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT : Xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở : Xóm S, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn : Anh Phan Văn T, sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT : Xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Các đương sự: Chị H có mặt, anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đoàn Thị H trình bày:

Tôi và anh T kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi cưới tôi về nhà anh T làm dâu sinh sống ngay không mang theo tài sản riêng gì ngoài đồ dùng cá nhân. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng từ năm 2012 anh T bắt đầu chơi bời cờ bạc bán xe máy của tôi hết lần này đến lần khác. Tôi và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Có lần tôi tức giận đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở một thời gian, song được gia đình hai bên hòa giải chúng tôi lại về đoàn tụ. Tuy nhiên, khi về chung sống anh T vẫn không chịu tu trí làm ăn nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Đến tháng 6 năm 2017 tôi thấy rằng hôn nhân của chúng tôi không có hạnh phúc nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân với anh T. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phan Văn T trình bày:

Tôi và chị H kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ. Khi kết hôn chúng tôi tự nguyện.

Sau khi cưới vợ tôi về nhà tôi sinh sống ngay, vợ chồng ở chung với bố mẹ tôi tại xóm C, xã N. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra cãi nhau do mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Khoảng đầu năm 2017 tôi bị bạn bè rủ rê nên có sử dụng ma túy, chị H biết chuyện nên can ngăn. Cuối tháng 5 năm 2017 tôi đi làm ăn tại tỉnh khác, ở nhà chị H bỏ về nhà mẹ đẻ không nói gì với tôi. Từ cuối tháng 5 năm 2016 đến nay vợ chồng tôi chưa gặp nhau. Nay chị H xin ly hôn tôi không nhất trí. Vì tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nguyện vọng của tôi là vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, do vậy phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Hai đương sự xác định

không có nên không xem xét; Về án phí chị H phải chịu án phí LHST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

{1}. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị H và anh Phan Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T là cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới chị H về nhà anh T làm dâu sinh sống. Vợ chồng sống chung với bố mẹ anh T tại xóm C, xã N. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, song từ năm 2012 anh T sa vào chơi cờ bạc, phá tán tài sản gia đình, sau đó lại bị bạn bè rủ rê mắc nghiện ma túy. Chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Bản thân anh T cũng thừa nhận việc mình sử dụng ma túy chính là nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không nhất trí ly hôn.

HĐXX thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

{2}. Về con chung: Các đương sự đều xác định không có nên Tòa án không xem xét.

{3}. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên Tòa án không xem xét.

{4}. Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Phan Văn T.

2. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí LHST sung công quỹ nhà nước (được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp ngày 05/7/2017 tại Chi cục THADS huyện Đ).

Báo cho cho chị H, anh T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Đ
- THADS huyện Đ
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã
- Lưu VT, HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯƠNG ĐỨC LONG